

Số: *2622*/QĐ-BKHCHN

Hà Nội, ngày *22* tháng *9* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững
nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHCHN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCHN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHCHN;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-BKHCHN ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng KH&CN tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp quốc gia thực hiện từ năm 2021;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng ba (03) nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia lĩnh vực thủy sản thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2021.

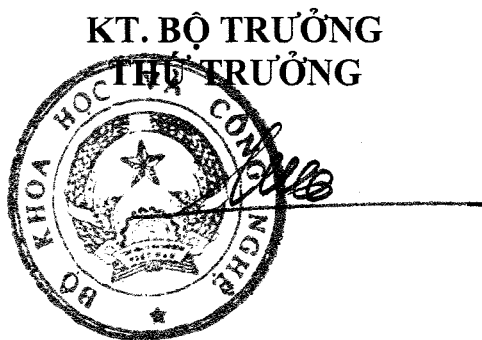
(Chi tiết 03 nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọn và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHTC (ĐG).



Phạm Công Tạc

Phụ lục

DANH MỤC ĐÁP HẸN NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG GEN VÙNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-BKH&CN ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

| TT | Tên nhiệm vụ | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu đối với kết quả* | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|---|---|---|-------------------------------|
| I | Đề tài | | | |
| 1. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cá Thòi lòi (<i>Periophthalmodon schlosseri</i> Pallas, 1770) tại Cà Mau. | Khai thác và phát triển được nguồn gen cá Thòi lòi (<i>Periophthalmodon schlosseri</i> , Pallas 1770) góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long. | <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo đặc điểm sinh thái, sinh học và đánh giá giá trị nguồn gen cá Thòi lòi (<i>Periophthalmodon schlosseri</i>, Pallas 1770);- Quy trình công nghệ sản xuất giống cá Thòi lòi: tỷ lệ thành thực $\geq 50\%$, tỷ lệ cá đẻ $\geq 50\%$, tỷ lệ sống lên cá giống đạt $\geq 30\%$;- Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Thòi lòi: tỷ lệ sống $\geq 50\%$, năng suất ≥ 1.200 kg/ha;- 02 mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm cá Thòi lòi: quy mô $\geq 0,5$ ha/mô hình, tỷ lệ sống đạt $\geq 50\%$;- 01 mô hình bảo tồn nguyên vị cá Thòi lòi: qui mô 0,5 ha/mô hình, tỷ lệ sống đạt $\geq 50\%$;- Cá bố mẹ: 3.000 con ($> 0,15$ kg/con);- Cá hậu bị: 5.000 con ($\geq 0,1$ kg/con);- Cá giống: 20.000 con (≥ 2 cm/con);- Cá thương phẩm: 1.000 kg (0,05-0,1 kg/con);- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. | |



| TT | Tên nhiệm vụ | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu đối với kết quả* | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|---|--|---|-------------------------------|
| 2. | Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cá Mỏ đầu khum (<i>Cheilinus undulatus</i> Ruppell, 1835) | Khai thác và phát triển được nguồn gen cá Mỏ đầu khum <i>Cheilinus undulatus</i> góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi biển. | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo bổ sung đặc điểm sinh học, sinh sản và đánh giá giá trị nguồn gen cá Mỏ đầu khum (<i>Cheilinus undulatus</i> Ruppell, 1835); - Quy trình công nghệ sản xuất giống cá Mỏ đầu khum: tỷ lệ thành thực $\geq 70\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 80\%$; tỷ lệ thụ tinh $\geq 80\%$, tỷ lệ nở $\geq 90\%$; tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương $\geq 1\%$; tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống $\geq 8\%$; - Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm trong lồng bè: tỷ lệ sống $\geq 70\%$; khối lượng cá thu hoạch ≥ 2 kg/con; năng suất ≥ 10 kg/m³; - Tiêu chuẩn đàn cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm; - 01 mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm: năng suất ≥ 10 kg/m³; sản lượng 800 kg; - Cá bố mẹ: 100 con (cá cái: 7-18 kg/con; cá cái đực: 9-20 kg/con), tỷ lệ cá đực/cái = 1:3; - Cá hậu bị: 200 con (2-4 kg/con); - Cá giống: 10.000 con (5-7 cm/con), cá sạch bệnh; - Cá thương phẩm: 800 kg (≥ 2 kg/con); - 02 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí chuyên ngành. | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu đối với kết quả* | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|---|---|---|-------------------------------|
| II | Dự án SXTN | | | |
| 3. | Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá Chạch sông (<i>Mastacembelus armatus</i> Lacepede, 1800). | Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chạch sông (<i>Mastacembelus armatus</i> Lacepede, 1800) nhằm đa dạng loài nuôi nước ngọt. | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sản xuất giống cá Chạch sông quy mô hàng hóa: tỷ lệ cá thành thực $\geq 90\%$; tỷ lệ cá đẻ $\geq 80\%$; tỷ lệ trứng thụ tinh $\geq 80\%$; tỷ lệ cá nở $\geq 80\%$; - Quy trình nuôi thương phẩm cá Chạch sông: tỷ lệ sống $\geq 70\%$, năng suất nuôi ao ≥ 2.000 kg/ha, nuôi lồng: ≥ 15 kg/m³, kích cỡ cá thương phẩm đạt $\geq 0,2$ kg/con; - Tiêu chuẩn cơ sở cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm; - 01 mô hình sản xuất giống cá Chạch sông: quy mô 50.000 cá giống/năm, kích cỡ 6 - 8 cm/con; - 03 mô hình nuôi thương phẩm cá Chạch sông có sự tham gia của doanh nghiệp: tỷ lệ sống $\geq 70\%$, kích cỡ $\geq 0,2$ kg/con; - Cá Chạch sông bố mẹ: 2.000 con ($\geq 0,3$ kg/con), tỷ lệ cá đực/cái = 1:1; - Cá Chạch sông hậu bị: 3.000 con ($\geq 0,2$ kg/con), tỷ lệ cá đực/cái = 1:1; - Cá Chạch sông giống: 100.000 con (4-6 cm/con); - Cá Chạch sông thương phẩm: 2.000 kg ($\geq 0,2$ kg/con); - 01 bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành. | Tuyển chọn |

